

CÔNG TY CỔ PHẦN HT PLASTIC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HT PLASTIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HT PLASTIC JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109401708

3. Ngày thành lập: 02/11/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 7, Ngõ 110 phố Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
2.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
3.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
4.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
5.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
6.	Sản xuất rượu vang	1102
7.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
8.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
9.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
10.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
11.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
12.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
13.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
14.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
15.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
16.	Sản xuất giày, dép	1520
17.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
18.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
19.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
20.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
21.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Sản xuất phân bón	2012
22.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013

23.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp, cao su chưa lưu hoá hoặc đã lưu hoá hoặc đã làm cứng như: + Đĩa cao su, tấm, mảnh, thanh cao su, + Ống, vòi cao su, + Quần áo bằng cao su (nếu quần áo được sản xuất bằng cách gắn dán, chứ không phải khâu), + Tấm phủ sàn bằng cao su, + Cáp và sợi cao su, + Sợi cao su hoá, + Vòng, thiết bị phụ và chất gắn bằng cao su, - Sản xuất nguyên liệu sửa chữa cao su; - Sản xuất sản phẩm dệt được tráng, phủ cao su với cao su là thành phần chính; - Đệm nước cao su; - Túi tắm bằng cao su; - Quần áo lặn bằng cao su	2219
24.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (trừ thuốc bảo vệ thực vật sinh học có hoạt chất là các vi sinh vật có ích)	2021
25.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
26.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm plastic bán chế biến như: Đĩa, tấm, khối, mảnh nhựa (bất kể tự dính hay không); - Sản xuất các sản phẩm nhựa hoàn thiện như: Ống, vòi nhựa, thiết bị lắp đặt bằng nhựa, chai lọ nhựa đựng thuốc. - Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng như: Cửa nhựa, cửa sổ, khung, mảnh, rèm, ván chân tường, bể hồ chứa nhân tạo, sàn tường hoặc tấm phủ trần dạng cuộn hoặc dạng tấm, đồ thiết bị vệ sinh bằng nhựa như bể bơi plastic, vòi tắm, chậu tắm, chậu rửa mặt. - Sản xuất bàn, đồ bếp và đồ nhà vệ sinh bằng nhựa; - Sản xuất tấm hoặc bản bóng kính; - Sản xuất tấm phủ sàn bằng nhựa cứng hoặc linoleum; - Sản xuất đá nhân tạo; - Sản xuất băng keo; - Sản xuất sản phẩm nhựa chuyển hoá như: Mũ lưỡi trai, thiết bị ngăn cách, bộ phận của thiết bị chiếu sáng, thiết bị văn phòng hoặc giáo dục, quần áo bằng nhựa (nếu chúng được gắn với nhau, không phải là khâu), thiết bị đồ gia dụng, tượng, băng chuyên, giấy dán tường bằng nhựa.	2220(Chính)
27.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310

28.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
29.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
30.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
31.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
32.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
33.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
34.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
35.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
36.	Sản xuất đồng hồ	2652
37.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
38.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
39.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
40.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
41.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
42.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
43.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
44.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
45.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
46.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
47.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
48.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
49.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
50.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
51.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
52.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
54.	Xây dựng nhà để ở	4101
55.	Xây dựng nhà không để ở	4102
56.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
57.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
58.	Xây dựng công trình điện	4221
59.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
60.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
61.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
62.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

63.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
64.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
65.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
66.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
67.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4511
68.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đấu giá)	4512
69.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4513
70.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4530
71.	Bán mô tô, xe máy (trừ đấu giá)	4541
72.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
73.	Bán buôn đồ uống	4633
74.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
75.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
76.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
77.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
78.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

79.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
80.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ Bán buôn vàng và kim loại quý khác) Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
81.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
82.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Kinh doanh phân bón (phân bón hữu cơ và phân bón khác - Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su	4669
83.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
84.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
85.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
86.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
87.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
88.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

89.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
90.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá)	4791
91.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
92.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
93.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
94.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Không bao gồm dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không) Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa;	5229
95.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
96.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
97.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
98.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.	5629
99.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
100.	Xuất bản phần mềm (trừ loại Nhà nước cấm)	5820
101.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
102.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619

103.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
104.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
105.	Đại lý du lịch	7911
106.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	7912
107.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
108.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 680.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN ANH TUẤN	Số 11 Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	340.000	3.400.000.000	50,000	001084010665	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	340.000	3.400.000.000	50,000		
2	VĂN THỊ HỒNG HẠNH	Số 11 Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	272.000	2.720.000.000	40,000	001184009536	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	272.000	2.720.000.000	40,000		

3	VŨ DUY NINH	Số 7, Ngõ 110 phố Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	68.000	680.000.000	10,000	0010870244 54
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	68.000	680.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/06/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001084010665

Ngày cấp: 22/09/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 11 Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 3215, Chung cư The Pride, Đường Tố Hữu, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội